TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2017
"V/v Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn giữa chị H và anh O"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Phạm Tuấn Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Bá Thị**
Ông **Nguyễn Đình Quý**

***Thư ký phiên toà*:** Ông **Đào Văn Chí** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ *tham gia phiên tòa:* Ông **Đinh Xuân Tiệp** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2015/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2015 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Mai H Sinh năm 1974
Địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Ông Lã Thành Công - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hà Trọng O (Tên khác là Hà Văn O), Sinh năm 1970
Địa chỉ: Xóm A, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:
Bà Phạm Thị Thắm - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, ông Công, bà Thắm đều có mặt. Anh O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2015 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị Mai H trình bày:

Trước đây chị và anh Hà Trọng O đã được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh

Phú Thọ giải quyết ly hôn năm 2009 và đã có quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 36/2009/QĐST-HNGĐ, ngày 21/10/2009 nhưng chưa giải quyết về phần tài sản là đất trồng rừng tại đồi K, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Do hòa giải tại cơ sở không thành, không thống nhất được việc phân chia tài sản chung nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết được sử dụng ½ tài sản chung gồm: 01 thửa đất trồng khoanh nuôi rừng tại đồi K, diện tích được cấp là 145.000 m^2 tại tờ bản đồ số F48-103c-a-1 số thửa 63, thời hạn sử dụng đến năm 2047 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/11/1998 cho hộ ông Hà Văn O (Hà Trọng O), nhưng thực tế sử dụng qua thẩm định tại chỗ là 4,9 ha. Diện tích đất trồng trồng khoanh nuôi rừng còn thiếu là do khi đo đạc bị sai số và bị lấn chiếm. Nay chị H chỉ đề nghị được phân chia tài sản chung giữa chị và anh O diện tích đất trồng khoanh nuôi rừng thực tế là 4,9 ha mà không yêu cầu giải quyết tranh chấp với các hộ xung quanh.

Tại bản tự khai ngày 03/12/2015 và trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Hà Trọng O đã trình bày:

Nhất trí như chị H đã trình bày về quá trình ly hôn chỉ giải quyết về con chung và tài sản khác, không giải quyết về tài sản chung là 01 thửa đất trồng khoanh nuôi rừng tại đồi K, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay anh đồng ý tài sản tranh chấp qua thẩm định tại chỗ là 4,9 ha và chỉ đồng ý chia ½ giá trị tài sản tranh chấp bằng tiền cho chị tại thời điểm ly hôn năm 2009 theo anh là 700.000 đồng/ha, đồng ý chia cho chị H 02 ha và anh sẽ thanh toán cho chị H là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm ngàn đồng). Anh không yêu cầu giải quyết tranh chấp với các hộ xung quanh.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: 2 anh chị khi ly hôn năm 2009 chưa đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là 01 thửa đất trồng khoanh nuôi rừng tại đồi K, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ diện tích được cấp là 145.000 m^2 tại tờ bản đồ số F48-103c-a-1 số thửa 63, thời hạn sử dụng đến năm 2047 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/11/1998 cho hộ ông Hà Văn O (Hà Trọng O), nhưng thực tế sử dụng qua thẩm định tại chỗ là 4,9 ha. Đề nghị Hội đồng xét xử phân chia, chia đôi tài sản nhưng cần căn cứ vào công sức cải tạo, duy trì đất của anh O và phù hợp với thực tế. Chị H được sử dụng phần diện tích đất có cây keo, cây bồ đề thì phải thanh toán giá trị cây theo dự toán trồng rừng của biên bản định giá tài sản ngày 13/4/2017.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho bị đơn trình bày: Nhất trí phần đã trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi tài sản nhưng cần căn cứ vào công sức cải tạo, duy trì đất của anh O từ năm 2009 đến nay. Anh O được sử dụng phần diện tích đất lớn hơn, trên đất có cây keo, cây bồ đề là tài sản riêng của anh O mới trồng được hơn 01 năm tuổi. Chị H phải thanh toán giá trị cây trên đất của chị được Tòa án giao cho anh O theo dự toán trồng rừng của biên bản định giá tài sản ngày 13/4/2017.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị H đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Anh O chấp hành nhưng chưa đầy

đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa lần 2 ah O vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án này theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tài sản chung tranh chấp:* Hai bên đều công nhận Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2009/QĐST-HNGĐ, ngày 21/10/2009 về phần tài sản chung chưa giải quyết về 01 thửa đất trồng khoanh nuôi rừng tại đồi K, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của anh chị. Do vậy yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn của chị H được chấp nhận. Việc anh O chỉ chấp nhận chia cho chị H ½ giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền tại thời điểm ly hôn là không phù hợp. Chị H có nhu cầu sử dụng đất để trồng rừng ngoài thời gian đi dạy học là phù hợp thực tế nên được chấp nhận.

[3] *Về phân chia tài sản chung:* Diện tích đất được cấp là 01 thửa đất trồng khoanh nuôi rừng tại đồi K, diện tích 145.000 m^2 tại tờ bản đồ số F48-103c-a-1 số thửa 63, thời hạn sử dụng đến năm 2047 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/11/1998 cho hộ ông Hà Văn O (Hà Trọng O). Diện tích đất thực tế sử dụng qua thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2017 là 4,9 ha. Tại thời điểm hộ anh Hà Trọng O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo sổ hộ khẩu được cấp ngày 27/6/2008 của Ban Công an xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ thì hộ gia đình anh Hà Trọng O có 4 người gồm có anh O, chị H và 02 con chung là cháu Hà Quyền A, sinh ngày 30/4/1996 và cháu Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 12/9/2000. Do 2 con chung con nhỏ chưa đến tuổi trưởng thành, vì vậy tài sản chung này được phân chia cho anh O và chị H là phù hợp, nhưng khi quyết định phân chia cần xem xét đến công sức cải tạo đất, trồng cây, duy trì và phát triển giá trị tài sản chung vợ chồng của anh O. Do vậy cần chia cho anh O phần diện tích đất lớn hơn chị H và phù hợp với ranh giới phân định đất tự nhiên là rãnh nước chảy tại khu vực là hợp lý. Đối với phần diện tích trồng cây keo, bồ đề 01 năm tuổi của anh O trên toàn bộ diện tích đất 4,9 ha, đây là tài sản riêng của anh O nên không chia. Chị H được sử dụng phần diện tích trên đất có cây keo, cây bồ đề thì phải thanh toán giá trị cây giống năm đầu có đường kính đến 5cm, tương ứng với số cây tính trên 1 ha theo biên bản thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13/4/2017 là phù hợp.

[4] *Về án phí:* Chị H và anh O phải chịu án phí chia tài sản sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được hưởng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, điểm b khoản 2,3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Điều 213,357,468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Mai H về chia tài sản chung của chị và anh Hà Trọng O (Hà Văn O).

2. Về chia tài sản chung:

2.1. Giao cho chị Hà Thị Mai H được sở hữu 2.300 cây keo, bồ đề đã trồng được 01 năm tuổi trên diện tích đất sử dụng trồng khoanh nuôi rừng theo chỉ giới thửa 2-3-4-5-2 có diện tích 2,3 ha có giá trị 34.500.000 đồng, tại thửa 63, tờ bản đồ số F48-103c-a-1 thuộc xóm N, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chỉ giới cụ thể: cạnh 2-3 có chiều dài 68,41m, chỉ giới cạnh 3-4 có chiều dài 394,79m, chỉ giới cạnh 4-5 có chiều dài 50,42m và chỉ giới cạnh 5-2 có chiều dài 337,73m. Chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh O giá trị 2.300 cây keo, bồ đề có giá trị là 11.500.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản ngày 13/4/2017). Như vậy chị H được sở hữu, sử dụng tài sản có giá trị là 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2. Giao cho anh Hà Trọng O (Hà Văn O) được sở hữu 2.600 cây keo, bồ đề có giá trị 13.000.000 đồng đã trồng được 01 năm tuổi trên diện tích đất sử dụng trồng khoanh nuôi rừng theo chỉ giới thửa 1-2-5-6-7-8-9-10-1 có diện tích 2,6 ha có giá trị 39.000.000 đồng tại thửa 63, tờ bản đồ số F48-103c-a-1 thuộc xóm N, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chỉ giới cụ thể: cạnh 1-2 có chiều dài 96,93m, chỉ giới cạnh 2-5 có chiều dài 337,73m, chỉ giới cạnh 5-6 có chiều dài 75,29m, chỉ giới cạnh 6-7 có chiều dài 43,75m, chỉ giới cạnh 7-8 có chiều dài 169,32m, chỉ giới cạnh 8-9 có chiều dài 78,79m, chỉ giới cạnh 9-10 có chiều dài 62,83m và chỉ giới cạnh 10-1 có chiều dài 17,09m. Như vậy anh O được sở hữu, sử dụng tài sản, không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H và được chị H thanh toán giá trị cây trên đất được giao. Tổng giá trị là 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó có 24.500.000 đồng là tài sản riêng của anh O (giá trị cây keo, cây bồ đề) nên anh O không phải chịu án phí đối với phần tài sản riêng này.

Ranh giới của 2 thửa đất sau khi được phân chia của chị H và anh O là một đường thẳng nối liền hai điểm 2 và 5 có biên bản trích đo hiện trạng kèm theo (Đây là bộ phận không tách rời của bản án).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh O được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chậm trả tiền thì chị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay; Nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn 20%/năm tại thời điểm trả nợ.

3. Về án phí dân sự chia tài sản sau ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Hà Thị Mai H phải chịu 1.725.000đ (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Buộc anh Hà Trọng O (Hà Văn O) phải chịu 1.950.000đ (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị H đã nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số AA/2011/01451 ngày 17/11/2015. Chị H phải nộp tiếp 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh